

**CÔNG TY TNHH MI4VN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MI4VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MI4VN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MI4VN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109458743

**3. Ngày thành lập:** 16/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19 ngách 34/4 Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [mi4vn.com@gmail.com](mailto:mi4vn.com@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                     | 4931        |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                                                                                                   | 5229        |
| 5.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                                                                                                                                                       | 6619        |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                                                                                       | 6820(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động bán đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4511 |
| 9.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4512 |
| 10. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động bán đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4513 |
| 11. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4520 |
| 12. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động bán đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4530 |
| 13. | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động bán đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4541 |
| 14. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4542 |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động bán đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4543 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 18. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn giáo dục,<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8560 |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4659 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4763 |
| 24. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4771 |

|     |                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4772 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                            | 4610 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu | 8299 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                              | 4649 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MANH CƯỜNG | Số 30 ngõ 116 phố Trần Nguyên Hãn, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | 4.000.000.000         | 80,000    | 121360682                                                                                                                                         |         |
| 2   | VŨ LAN HƯƠNG      | Số 138A Phố Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam           | 1.000.000.000         | 20,000    | 162043219                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VŨ LAN HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/06/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 162043219

Ngày cấp: 15/04/2015

Nơi cấp: Công an Tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 138A Phố Hoàng Văn Thụ, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội